



འཇུག་ཀུན་ལ་འཇུག་པའི་ལུང་།

DRIKUNG KAGYU



Sơ Lược Tiểu Sử của
**Đức Drikung
Kyabgon Chetsang Rinpoche**

Thủ Ngôi Dòng Truyền Thừa Drikung Kagyu



Đoản nguyện Quán Thế Âm

JO WO CHON GYI MA GO KU DOK KAR/
DZOK SANG GYE KYI U LA GYEN/
THUG JE CHEN GYI DRO LA ZIG/
CHEN-RE-ZIG LA SOL-WA DEB//

OM MANI PADME HUNG

GE WA DI YI NYUR DU DAK/
CHEN-RE-ZIG WANG DRUB GYUR CHIG/
DRO WA CHIK KYANG MA LÜ PA/
DE YI SA LA GO PAR SHOG//

**Đấng không tì vết,
Thân toàn trắng, đầu điểm một vị Phật toàn hảo,
Đôi mắt từ bi của Ngài thấu suốt chúng sinh.
Con khẩn cầu Ngài, đức Quán Thế Âm.**

OM MANI PADME HUNG

**Nương vào hạnh lành này,
Nguyện cho con thành tựu quả vị Quán Thế Âm,
Và nguyện tất cả chúng sinh không sót một ai
Cũng thành tựu quả vị ấy.**

Sơ Lược Tiểu Sử **Dòng Truyền Thừa Drikung Kagyu**



Dòng Drikung Kagyu đã được **Sơ Tổ Kyobpa Jigten Sumgon** (1143-1217) khai lập vào năm 1179 tại Tổ đình **Drikung Thil** tại trung phần Tây Tạng, và là một trong những tông phái chính yếu của dòng truyền thừa **Kagyu** (còn được gọi là dòng Khẩu truyền hay Nhĩ Truyền). Dòng Kagyu hành trì theo các pháp của hiền giáo đã được truyền xuống từ Đức Phật Thích Ca cùng với các pháp của mật giáo được truyền xuống từ các vị Tổ Mật tông

bao gồm **Dorje Chang** (tức vị Phật nguyên thủy biểu trưng cho Phật tánh vốn có), **Tilopa, Naropa, Marpa, Milarepa, Gampopa** và **Phagmodrupa**.

Ngài Phagmodrupa có hàng trăm ngàn đệ tử, nhưng đức Jigten Sumgon là một trong những đại đệ tử tâm truyền của ngài. Ngài Phagmodrupa đã từng lặp lại nhiều lần lời tiên tri rằng người kế thừa của ngài xuất thân là một *upasaka* (cận sự nam), là người đạt đến được thập địa Bồ tát (quả vị Phật). Tuy thời gian đức Jigten Sumgon được ở cạnh để phụng sự sư phụ của ngài chỉ vỏn vẹn hơn hai năm rưỡi, nhưng ngài đã được sư phụ khai đạo và trao truyền toàn bộ giáo lý tinh yếu của Kinh điển và Mật điển, các hướng dẫn trực chỉ và ẩn mật, cũng như được gia trì các chứng ngộ thậm thâm, như sữa rót hòa vào với sữa trong một chiếc bình chứa hoàn toàn thanh tịnh. Công phu tu tập miên mật và lòng chí thành, khát khao liễu ngộ chân lý rốt ráo của ngài đã làm nhiều người phải tâm phục.

Vào thời điểm ngài Phagmodrupa thị tịch, tất cả các đệ tử có mặt chung quanh ngài đều chứng kiến một hiện tượng kỳ diệu — họ nhìn thấy hình dạng một chiếc chùy kim cương bằng ánh sáng từ ngay tâm điểm của ngài Phagmodrupa vụt phóng ra và tan biến vào nơi tâm điểm của đức Jigten Sumgon đang đứng ở cạnh bên. Một thời gian sau đó, đức Jigten Sumgon rời tu viện để đến ẩn tu ở một hang động tên Echung trong suốt bảy năm.

Vào cuối giai đoạn ẩn tu, ngài đã thị hiện mắc phải bệnh phong cùi và phải chịu đựng trải qua sự đau đớn. Một đêm nọ trong cơn đau, ngài phát khởi lòng từ bi vĩ đại khi nhớ nghĩ đến những chúng sinh khác cũng đang mắc bệnh như ngài, và thâm thương họ không may mắn có được giáo lý

giác ngộ giải thoát. Từ tận đáy lòng, ngài khởi nguyện chịu đau thế họ và cho rằng nay đã đến lúc ngài sắp bỏ xác phàm qua pháp chuyển di tâm thức. Nhưng ngay khi ấy, ngài bất chợt thấy cơn bệnh thoát ra khỏi người như những luồng khói ám. Ngài chứng quả Phật khi vừa tròn 35 tuổi. Qua đêm, ngài đã khỏi bệnh và được người đời đặt cho biệt danh “*người khỏi bệnh phong cùi trong mơ.*”

Sau đó ngài thường đi khắp nơi giảng dạy cho dân làng cách phát lòng đại từ bi để tự chữa bệnh cho bản thân họ. Ngài nổi tiếng là người với **tâm Bồ đề vĩ đại**, là “vua của các *yogi*” (*hành giả du già*), là người đã triệt ngộ **lý duyên sinh** và thâm nhập **Đại Thủ Ấn** (*Mahamudra*). Sau khi quay trở về lại tu viện của ngài Phagmodrupa, đức Jigten Sumgon quyết định làm lễ thể phát xuất gia theo như lời dặn của ân sư. Ngài khai lập Tổ đình Drikung Thil vào năm 37 tuổi, và từ đó trở đi, hàng môn đồ tìm đến cầu học nơi ngài đã lên đến hằng trăm ngàn người.

Dòng Drikung Kagyu rất nổi tiếng với **đại pháp Phowa** chuyển di tâm thức và **Sáu Pháp Du Già của Tổ Naropa**. Ngoài ra Sơ Tổ còn đặc biệt được biết đến qua tài liệu khai thị rất thâm thúy mang tên “**Gong Chik**” chỉ ra sự chung nhất của tất cả các thừa trong Phật đạo, và ngài chuyên hướng dẫn đệ tử tu tập theo một đạo lộ để thể nhập chân tâm mang tên **Con Đường Tu Năm Nhánh của Đại Thủ Ấn**, gồm có pháp Bồ đề tâm, Bốn tôn du già, Đạo sư du già, thiền Đại thủ ấn và hồi hướng công đức.

Lúc sinh thời, Sơ Tổ cũng đã từng phái hàng chục ngàn đệ tử đến ẩn tu tại các ngọn núi thiêng **Lapchi, Tsari** và **Kailash**. Trước khi tiễn biệt họ, ngài luôn căn dặn rằng hãy ở lại đó tu tập cho đến khi sự chứng ngộ phát sinh và đừng tìm về lại Tổ

đình khi chưa thành tựu. Ngày nay ở tại các linh địa ấy, nhất là tại Lapchi, các vị ẩn sĩ dòng Drikung vẫn tiếp tục theo truyền thống tu tập các pháp du già, đặc biệt là pháp nội hỏa (*tu mô*) và đạt được những chứng ngộ thậm thâm.



Trải qua hơn 836 năm cho đến nay, dòng truyền thừa Kagyu vẫn tiếp tục phát triển và lớn mạnh dưới sự dẫn đạo của hai vị đồng thủ ngôi là **Sư Tổ Drikung Kyabgon Chetsang Rinpoche** (Dhera Dun, Ấn Độ) và **Sư Tổ Drikung Kyabgon Chungtsang Rinpoche** (Lhasa). Tại khắp nơi trên thế giới, từ Tây Tạng, Ấn Độ, Nepal, Đài Loan, Mã Lai, Hồng Kông, Nhật Bản, Singapore đến Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Đức, Áo, Nga, Thụy Sĩ, Úc Đại Lợi, Do Thái, Tây Ban Nha, Tân Tây Lan, Hung Gia Lợi, Ukraine, Chí Lợi, vân vân, kể cả tại Việt Nam, đều có sự hiện diện của các trung tâm Phật giáo Drikung Kagyu trong nỗ lực hoằng dương chánh pháp.

Sơ Lược Tiểu Sử

Đức Drikung Kyabgon Chetsang Rinpoche *Thủ Ngôi Dòng Truyền Thừa Drikung Kagyu*



Đức Drikung Kyabgon Chetsang Rinpoche, vị Thủ Ngôi thứ 37 của dòng truyền thừa **Drikung Kagyu** là một hiện thân của đức **Quán Thế Âm**. Ngài ra đời tại thủ đô **Lhasa** vào năm 1946 trong gia tộc **Tsarong** danh tiếng. Sinh nhật của ngài trùng vào ngày Đức Phật Thích Ca chuyển pháp luân lần đầu tiên. Khi chào đời, ngài đã sinh ra trong bọc nước ối còn nguyên (hiện tượng để bọc điều) và người Tạng tin rằng điều này cực kỳ hiếm hoi và cát tường. Thân phụ của ngài, ông **Dandul Namgyal Tsarong**, giữ chức vụ quan trọng trong chính phủ Tây Tạng. Mẹ ngài, **Yangchen Dolkar**, thuộc dòng quý tộc hoàng gia Ragashar.

Tổ phụ của ngài là Thừa tướng **Dasang Dandul Tsarong** (1888-1959), cánh tay mặt của đức **Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 13** (1876-1933). Đây là vị tướng lừng danh trong quân đội Tây Tạng và là người có thể lực chính trị mạnh mẽ trong thế kỷ 20. Ông có óc cầu tiến và đã đem lại nhiều sự cải tiến quan trọng cho xã hội Tây Tạng thời bấy giờ.



*Tổ phụ và tổ mẫu của đức Chetsang Rinpoche
(Thừa tướng Tsarong và phu nhân Dolkar)*

Điều hữu duyên ở đây là gia trang của Thừa tướng **Tsarong** tại kinh thành Lhasa chính là nơi mà **Thiền Sư Nhẫn Tế** (vị đạo sư khai lập chùa **Tây Tạng Tự** ở Bình Dương, Việt Nam) đã đến trú ngụ trong suốt 4 tháng khi ngài du hành qua Tây Tạng vào năm 1936 cùng với một phái đoàn Lạt ma xuất thân từ vùng La Đắc.

Vào năm 1949, lúc vừa lên 3 tuổi, cậu bé cháu nội của Thừa tướng Tsarong được tuyên nhận là đức **Drikung Kyabgon Chetsang Rinpoche**, là vị Tổ thứ 37 nắm giữ dòng truyền

thừa Drikung Kagyu (là một trong các tông phái chính yếu của dòng Kagyu) thuộc Phật Giáo Tây Tạng. Đồng thủ ngôi với ngài là **Drikung Kyabgon Chungtsang Rinpoche**.



Gia trang của Thừa tướng Tsarong tại Lhasa

Tại Tổ đình **Drikung Thil**, Tây Tạng, đức Drikung Kyabgon Chetsang Rinpoche đã thọ nhận tất cả những giáo huấn trân quý của dòng Kagyu, kể cả các truyền khẩu, quán đảnh và giáo lý được truyền xuống từ các vị **Tổ Tilopa, Naropa, Marpa, Milarepa, Gampopa, Phagmodrupa, Kyobpa Jigten Sumgon**, v.v. Nhưng vào năm 1959, con đường tu học tâm linh của ngài đã bị gián đoạn bởi hoàn cảnh chính trị nhiễu loạn của Tây Tạng, và sau nhiều năm sống trong gian khổ, ngài đã vượt thoát Tây Tạng và đoàn tụ cùng gia đình và chúng đệ tử tại **Ấn Độ** và **Hoa Kỳ** vào năm 1975.

Sau một thời gian ngắn sống cùng gia đình tại Hoa Kỳ, ngài đã quay trở về Ấn Độ để hoàn tất chương trình tu học và nhập



thất ba năm, cùng nhận lãnh trọng trách **lãnh đạo tâm linh** của dòng Drikung Kagyu. Tại **Dehra Dun**, ngài đã khởi công xây dựng **Tu viện Changchup Ling**, đặt nơi đây làm **Tổ**

đình của dòng Drikung Kagyu tại hải ngoại, là nơi tu học cho chư tăng ni và đệ tử bên ngoài xứ Tây Tạng. Từ đó, dưới sự dẫn dắt của ngài, toàn bộ dòng truyền thừa Drikung Kagyu đã được tái thiết lập và ngày càng phát triển lớn mạnh trên khắp thế giới tại Ấn Độ, Nepal, La Đức, vùng Hy Mã Lạp Sơn, Hoa Kỳ, Đức quốc, Anh, Pháp, Áo, Úc Đại Lợi, Ý, Thụy Điển, Tân Tây Lan, Tiệp Khắc, Mông Cổ, Bồ Đào Nha, Nga, Ukraine, Latvia, Estonia, Hung Gia Lợi, Tiệp Khắc, Peru, Chi Lê, Mỹ Tây Cơ, Gia Nã Đại, Anh quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Singapore, Nhật Bản, Mã Lai, Bhutan, Việt Nam, v.v. Hiện nay có hàng trăm trung tâm Phật giáo thuộc dòng Drikung Kagyu cùng các trung tâm nhập thất Drikung trên khắp thế giới. Ngài đã du hành đến **Việt Nam** hai lần trong những năm trước đây và đã đích thân đến viếng **Đền Hùng**.

Ngài cũng đã chỉ thị cho đại sư **Nubpa Rinpoche** trùng tu lại toàn bộ tự viện và các động thất tu tập dành cho các hành giả du già tại núi thiêng **Lapchi**. Đây là một trong các thánh địa nơi vị đại Tổ sư Du già Milarepa đã thành đạo và là nơi các hành giả Drikung nhập thất tu tập theo truyền thống du già.



Đức Chetsang Rinpoche hành hương núi thiêng Lapchi (2015)

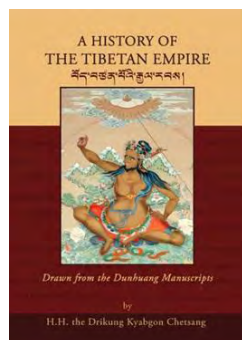
Đặc biệt hơn nữa, đức Drikung Kyabgon Chetsang Rinpoche đã cho xây dựng **Thư viện Songsten** ngay cạnh Tổ đình ở Dehra Dun. Đây là đại thư viện Tây Tạng lớn nhất bên ngoài xứ sở Tây Tạng, hiện đang lưu trữ rất nhiều kinh sách Phật học, tài liệu văn chương, lịch sử, ngôn ngữ, v.v... Đại Thư viện Songsten nổi tiếng với một thư mục đồ sộ với số lượng văn phẩm nhiều hơn cả Thư viện và Văn khố Tây Tạng (Library of Tibetan Works and Archives) ở Dharamsala, Ấn Độ và là nơi nghiên cứu lý tưởng dành cho các nghiên cứu gia và học giả chuyên ngành.

Trong suốt 40 năm qua, đức Drikung Kyabgon Chetsang Rinpoche đã hoạt động liên tục không mệt mỏi để quảng bá và **khôi phục lại truyền thống tu thiền và kinh luận của dòng Drikung Kagyu**. Là một vị lãnh đạo tâm linh nhưng cũng còn là một nhà văn hóa và một sử gia, ngài rất yêu chuộng và đã nghiên cứu sâu rộng về lịch sử, văn chương, thi, họa, nghệ thuật truyền thống Tây Tạng, cũng như về truyền thống tu tập theo **Thiền tông**.



Thư viện Songtsen tại Dehra Dun, Ấn Độ

Ngài đã biên khảo và dịch thuật một tập sách mang tên **“Chứng Liệu về Các Đại Sư và Đệ Tử thuộc Học Phái Lăng Già”** (The Record of the Masters and Disciples of the Lanka School), dựa trên một tài liệu dorr dang của thế kỷ thứ VIII mà ngài tìm thấy trong hệ thống Tam Tạng Hán văn.



Ngoài ra, một trong những tác phẩm nghiên cứu **lịch sử Tây Tạng** đồ sộ mà ngài đã trước tác có tên là **“Lịch sử Đế quốc Tây Tạng”** (History of the Tibetan Empire), dựa trên các văn tư liệu Đôn Hoàng (thời đại Hán Đường) đã được ghi chép từ các các thế kỷ VI - IX và được khai quật vào đầu thế kỷ XX.



Bảo Tháp Nước Đá tại La Đắc (2015)

Trong thời gian qua, đức Drikung Kyabgon Chetsang Rinpoche còn rất quan tâm đến việc bảo vệ và phát triển môi trường thiên nhiên và đã khởi sự một số dự án tại vùng La Đắc, ví dụ như các **“Bảo Tháp Nước Đá”** (Ice Stupa) để dự trữ và cung cấp nước uống cho dân chúng và cho môi trường sinh thái, hoặc dự án **“Sống Xanh, Sống Hữu Cơ”** (Go Green, Go Organic) để thí nghiệm các chương trình trồng trọt theo phương thức tự nhiên không hóa chất, cung cấp thực phẩm hữu cơ, thanh sạch cho dân địa phương, v.v. Mới đây ngài đã được **Mountain Institute** (Học viện Núi), một cơ quan đứng đầu thế giới về việc bảo vệ môi sinh, tặng cho tước vị ‘Đại sứ Liên hiệp quốc Hợp tác với Núi’ do bởi các hoạt động đầy mạnh mẽ đích phát triển môi sinh của ngài.

Hiện nay, ngài cũng sắp hoàn tất một công trình quy mô mang tên **“Đại Lễ hội Shravasti,”** xây dựng một tự viện rộng

lớn, bao gồm một dự án cầu nguyện và sinh hoạt tâm linh bất bộ phái, và cung cấp nơi tu tập và tạm trú dành cho các đoàn Phật tử không phân biệt truyền thống khi họ hành hương đến Shravasti.

*Sơ lược tiểu sử của đức Drikung Kyabgon Chetsang Rinpoche được Tâm Bảo Đàn (Konchog Changchup Drolma) kết hợp dựa trên các thông tin tìm thấy trên trang nhà www.drikung.org và từ tập sách tiểu sử của đức Drikung Kyabgon Chetsang Rinpoche mang tên **“Đến Từ Giữa Lòng Tây Tạng: Tiểu Sử Của Vị Thủ Ngôi Dòng Truyền Thừa Drikung Kagyu”** (From the Heart of Tibet: The Biography of Drikung Kyabgon Chetsang Rinpoche, the Holder of the Drikung Kagyu Lineage) (Boston, Massachusetts: Shambhala Publications, 2010) do Elmar R.Gruber biên soạn.*

Câu Chuyện của Sư Ông Kyunga và Sư Tổ Drikung Kyabgon Chetsang Rinpoche – Thủ Ngôi Dòng Truyền Thừa Drikung Kagyu



Sư Tổ Shiwe Lodro
Tổ dòng Drikung đời thứ 36



Drubwang Kyunga
Sodpa Gyatso



Sư Tổ Chetsang Thrinle Lhundrup
Tổ dòng Drikung đời thứ 37



ạo sư Kyunga Sodpa Gyatso (1911-1980) xuất thân từ vùng Kham và được xem là một đạo sư chứng ngộ. Ngài là một nhân vật với cá tính mạnh mẽ, không hề biết khuất phục, và nghiêm khắc chẳng khác nào đại đạo sư Marpa. Trong cuộc đời này, ngài đã trải qua ba mươi lăm năm ẩn tu. Ngài Kyunga trở thành vị thiền sư trưởng, có trách nhiệm hướng dẫn thiền tập tại tổ đình Drikung Thil, và sau đó, đức Shiwe Lodro [vị Tổ đời trước, tức đời thứ 36, của dòng truyền thừa Drikung Kagyu] đã gửi ngài đi lên núi Lapchi để giữ trách vụ *dorzin** - Kim Cang thượng thủ.

*Dorzin là từ viết tắt của Dorje Dzinpa (Kim Cang thượng thủ), là một pháp hiệu tôn quý dành cho vị đạo sư chứng ngộ có thể hướng dẫn các hành giả tại những địa điểm ẩn tu đặc biệt. Theo truyền thống Drikung Kagyu, có các vị dorzin tại núi Kalaish, Tsari và Lapchi, trong khi vị thiền sư trưởng tại tổ đình Drikung Thil thì mang pháp

Ở tại trên núi ấy, trong suốt bảy năm, ngài đã hướng dẫn những khóa nhập thất tại Dudul Phug tức Động Hàng Ma (Động Thất Nơi Quỷ Ma Được Nhiếp Phục), là một trong bốn hang động chính yếu tại Lapchi. Sau khi thực hiện xong một số các cuộc hành hương, ngài đã lánh đến một linh địa có rất nhiều liên hệ với đức Liên Hoa Sanh, và đã tu tập tại đó trong suốt mười lăm năm ròng. Về sau, ngài bỏ trốn khỏi Tây Tạng trước khi xảy ra cuộc nổi dậy toàn quốc tại kinh đô Lhasa và ngài đã làm việc lao động cùng với những người dân tỵ nạn Tây Tạng, xây cất đường xá ở xứ Sikkim. Một vị đạo sư thuộc dòng Karma Kagyu tên là Lama Sansang tình cờ đi ngang qua toán nhân công làm đường ấy và đã nhận ra được vị đạo sư khi xưa của ông ta, và qua đó mà vị *dorzin* – Kim Cang thượng thủ đã lại phải tái xuất hiện từ nhóm người vô danh tiểu tốt kia. Đại sư Togden Rinoche đã nghe nói về ngài Kyunga Sodpa Rinpoche từ một vị thầy khác tên là Druk Tuktse Rinpoche (1915-1983), và sau đó, đã tấn phong ngài Kyunga thành vị sư trưởng, chủ đạo hướng dẫn thiền tập tại một tu viện ở gần khu vực Sharchukhul. Tại đó, ngài Kyunga hướng dẫn khóa nhập thất ba năm đầu tiên với chín thiền sinh, trong những điều kiện sinh sống cực kỳ hoang sơ. Ngài Drubwang Kyunga rất khiêm cung và suốt cả cuộc đời, đã chẳng hề đòi hỏi bất kỳ điều gì cả. Khi còn ở tại Drikung, ngài đã lập gia đình, và khi đến Ladakh, ngài sống cùng gia đình trong một căn lều, ngay cả trong những ngày tháng lạnh lẽo của mùa đông. Thật ra, ngài không hề có một chút vật sở hữu

hiệu tripön (Đạo Sư thủ ngôi pháp tòa). Vị tripön luôn luôn tự lựa chọn người kế thừa. Các vị tripön tại tổ đình Drikung Thil trong những năm vừa qua gồm có đạo sư du già vĩ đại Pachung Rinpoche (1901-1988), được kế thừa bởi Gelong Tenzin Nyima (1924-2006). Hiện tại là Gelong Tashi Rabten, một trong những đệ tử chứng đắc tối thắng của ngài Gelong Tenzin Nyima.

cá nhân nào cả, không có tiền để dành cũng không có lương thực dự trữ. Chẳng bao giờ ngài sử dụng tiền của cúng dường cho bản thân mình. Khi các thí chủ đem thức ăn đến cúng dường cho ngài, ngài trao lại cho chúng đệ tử và không hề giữ lại bất kỳ món nào cho mình.



Hai vị đồng thủ ngôi dòng truyền thừa Drikung Kagyu

Vào mùa thu năm 1978, khoá nhập thất 3 năm tổ chức lần thứ nhì đã bắt đầu tại tu viện Lamayuru dưới sự chỉ đạo của ngài Kyunga, và trong khoá nhập thất này thì có cả sự tham dự của **Sư Tổ Drikung Kyabgon Chetsang Rinpoche**, là một trong hai vị Thủ Ngôi dòng truyền thừa Drikung Kagyu. [Vị đương kim đồng Thủ Ngôi dòng Drikung Kagyu là **Sư Tổ Drikung Kyabgon Chungtsang Rinpoche** hiện đang ở tại Tây Tạng. Tổ Chetsang Rinpoche sinh năm 1946 nên ngài khoảng 32 tuổi vào năm 1978].

Trước khi khoá nhập thất bắt đầu, đại sư **Khenchen Konchog Gyaltsen** đã ban cho Sư Tổ Chetsang những giáo huấn trong “*Lá Thư Gửi Bạn của Long Thọ Bồ Tát*” cùng những giáo huấn trong tập “*Hạt Châu Giải Thoát*” của đức Gampopa. Đây chính là tập sách mà đức **Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 14** đã ban tặng cho

Sư Tổ Chetsang Rinpoche sau khi ngài trốn thoát khỏi Tây Tạng. Kế tiếp, ngài Kyunga cũng ban khẩu truyền và ban các giáo huấn trong hai tài liệu căn bản của truyền thống Drikung, đó là *Gongchig* (Động Lực Duy Nhất) bao gồm các khai thị tâm yếu của Sơ Tổ Jigten Sumgon, và *Tenying* (Tinh Túy của Giáo Lý Đại Thừa).[‡]

Gelek Rinpoche đã tháp tùng Sư Tổ Chetsang Rinpoche đến tận cái nơi mà ngài sẽ phải bắt đầu nhập thất ẩn tu. Khi nhìn thấy cái thất quá ư xác xơ, khiêm tốn mà Sư Tổ Chetsang Rinpoche sẽ phải lưu lại trong một số năm kế tiếp, ngài Gelek Rinpoche đã [động lòng] và muốn xin cho Tổ Chetsang Rinpoche được miễn thứ, khỏi phải trải qua toàn bộ cuộc nhập thất gắt gao đúng theo truyền thống. Gelek Rinpoche đã cố gắng điều đình với đạo sư Drubwang Kyunga và đã thưa với đạo sư rằng, “Sư Tổ Chetsang là tái sanh của đức **Thánh giả Shiwe Lodro**, vị bốn sư gốc của chính ngài. Rinpoche không phải là một người phạm phu mà là một *mahasiddha*, một đại thành tựu giả đã quay trở lại hóa hiện trong cõi luân hồi. Rinpoche đã phải chịu đựng biết bao gian khổ trong một xứ sở Tây Tạng bị chiếm đóng! Xin ngài hãy cho phép Chetsang Rinpoche hạ bớt số lượng lễ lạy xuống, coi như là một sự cân nhắc đặc biệt và xin hãy gấp rút ban truyền cho Chetsang Rinpoche toàn bộ những pháp môn hành trì của dòng truyền thừa!”

Nhưng đạo sư Kyunga đã quyết liệt, một mực từ chối lời thỉnh cầu ấy. Chẳng những không dành cho Tổ Chetsang Rinpoche một ngoại lệ nào cả, mà ngược lại, đạo sư Khyunga

[‡] Tài liệu mang tên *Thegchen Tenpe Nyungpo* (Ten Nyung) do Ngoje Repa (còn được gọi là *Shedang Dorje*) ghi lại từ những lời khai thị của Sơ Tổ Jigten Sumgon. Tài liệu này trình bày toàn bộ trình tự con đường tu tập theo giáo lý của Đại Thừa, bao gồm cả Đường Tu Năm Nhánh của Đại Thủ Ấn.

đã lại trả lời rằng: “Ngài là hoá thân của Thánh giả Shiwe Lodro, thế thì ngài bắt buộc phải thực hành nhiều hơn những người khác nữa, để chứng minh về những phẩm hạnh của ngài.” Sau khi quay trở về lại Dharamsala, Gelek Rinpoche đã rất nản lòng và thưa lại với đức Đạt Lai Lạt Ma về cuộc đối thoại ấy. Đức Đạt Lai Lạt Ma tỏ ra cực kỳ hoan hỷ và đáp lại rằng: “Kyunga Rinpoche là một bậc guru (đạo sư) đích thực!” Đạo sư Kyunga đã nói với Sư Tổ Chetsang Rinpoche rằng, Tổ cần mất bao lâu thời gian để lễ lạy cũng không quan trọng bằng việc ngài phải lễ rập toàn thân [thay vì chỉ lạy trên hai đầu gối]. Đạo sư Kyunga giống như một ngọn núi không gì lay chuyển được và ngược lại, Sư Tổ Chetsang Rinpoche cũng không hề muốn mình được ban cho bất kỳ đặc ân nào.

() Ngang đây, tuy trong tập sách tiểu sử của ngài không nhắc đến, nhưng một huynh đệ đồng môn của Sư Tổ Chetsang Rinpoche, vị sư trưởng **Drupon Samten Rinpoche** đã có kể thêm một câu chuyện liên quan đến việc hành trì lễ lạy Ngondro của Sư Tổ Chetsang. Thầy Drupon Samten đã nhập thất ba năm cùng với Sư Tổ dưới sự hướng dẫn của đạo sư Khyunga và thầy Drupon Samten đã kể lại rằng, Sư Ông Khyunga là một vị đạo sư vô cùng mẫu mực và khắt khe. Ngài không ban cho Sư Tổ Chetsang bất kỳ một ngoại lệ nào và nhất là không cho phép Sư Tổ quỳ trên hai đầu gối cúi lạy nửa người mà bắt ngài phải lạy rập toàn thân xuống đất. Ngài Khyunga đã nói với Sư Tổ Chetsang Rinpoche rằng: “Ngài chính là hiện thân của đức **Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm** và như thế thì thật ra, ngài chẳng còn cần phải lễ lạy để tích lũy công đức làm lợi lạc cho bản thân làm chi nữa. Nhưng bởi vì lợi lạc của toàn thể chúng sinh và của những người khác nên khi lễ lạy thì xin ngài hãy lạy rập toàn thân!” (*) Theo ghi chú riêng của Tâm Bảo Đàn.*

Trong vòng bốn mươi ngày, Sư Tổ Chetsang Rinpoche đã hoàn tất hết 100 ngàn lạy [của pháp tu sơ khởi *Ngondro*] và mỗi đêm, ngài chỉ ngủ khoảng năm tiếng đồng hồ. Đôi khi ngài phải dừng lại nửa chừng khi ngài gặp phải vấn đề khí huyết

không lưu thông, hoặc khi ngài nôn mửa [vì mệt mỏi quá độ]. Đầu gối của ngài đầy vết trầy xước và một đôi khi, trán của ngài cũng rướm máu, nhưng Chetsang Rinpoche đã không cảm thấy hài lòng và ngài tiếp tục lạy thêm 200 ngàn lạy nữa.



Căn thất của Tổ Chetsang Rinpoche nằm trên tầng cao nhất của tu viện, hết như là một căn phòng [thô sơ] của người Spartan [thời cổ Hy Lạp]; nền nhà làm bằng đất nén, với một chiếc giường hẹp và một chiếc bàn thấp bé kiểu truyền thống dùng để làm bàn ngồi đọc sách. [Trong hoàn cảnh như thế,] ngay cả nếu chỉ được ban cho một tấm chăn mỏng thôi thì các hành giả cũng vô cùng biết ơn. Có một vị tăng sĩ tên Konchog Sempa được chỉ định làm thị giả cho Sư Tổ Chetsang Rinpoche và cho đến ngày hôm nay, vị ấy vẫn tiếp tục là một thị giả của ngài. Vị ấy trồng khoai tây và đem bán khoai tây cho quân đội Ấn để có thể hộ thất cho Sư Tổ trong thời gian ngài ẩn tu. Thực đơn của Tổ Chetsang trong suốt thời gian đó phần lớn chỉ bao gồm toàn khoai tây và củ cải.

Mùa đông lạnh như cắt vào những khi có những trận bão tuyết khổng lồ; tu viện bị cắt đứt khỏi toàn bộ thế giới bên ngoài và thầy Konchog Sempa đã phải lết đi trong băng tuyết

suốt ba giờ đồng hồ để đem về được một ít củi từ những người dân ở tại làng Kaltse. Những pháp môn hành trì sơ khởi [bao gồm một trăm ngàn lần lễ lạy, quy y, phát bồ đề tâm, tịnh hoá Kim Cang Tát Đỏa, cúng dường mạn đà la và bốn sư du già] dẫn đến một khả năng tự chế tương đối tốt, giúp hành giả làm chủ được những khía cạnh thuộc về thân và khẩu. Ở đây, cái khó khăn hơn nữa là sau khi tâm đã trụ được trong định thì tâm ấy lại sẽ phải được thiết lập trở lại trong một hệ thống mật điển, bao gồm các pháp môn dựa trên năng lượng khí vi tế cùng với những phương pháp thiền định vô cùng phức tạp.



Trong truyền thống tu tập Drikung, điều này có thể đạt được nương dựa vào các pháp môn có tên gọi là Sáu Pháp Du Già của Tổ Naropa và Con Đường Tu Năm Nhánh của Đại Thủ Ấn - *Mahamudra*. Sáu Pháp Du Già của Tổ Naropa gồm có: pháp khơi dậy nội hỏa (*tummo*), trải nghiệm chính thân mình là thân huyền ảo (*gyulu*), mộng du già (*milam*), chứng nghiệm trạng thái tịnh quang - ánh sáng [tự tánh] quang minh (*ösel*), trải nghiệm các giáo huấn thuộc thân trung ấm (*bardo*) và

pháp chuyển di tâm thức (*phowa*). Đây là những pháp môn kết hợp tâm - thân phức tạp, để khơi dậy một sự chuyển hoá vi diệu trong tâm thức đi kèm với một tiến trình chuyển hoá của năng lượng vi tế. Riêng *Mahamudra* - Đại Thủ Ấn thì được xem như là một trong những giáo lý tối thượng của Kim Cang Thừa. Mục đích tối hậu là đạt được chứng nghiệm nội tâm về sự kết hợp toàn diện giữa tánh không rỗng rang và tánh quang minh chiếu soi [của bản tâm], bởi đây chính là tinh tuý đích thực của tuệ giác nguyên sơ. Trong thiền định, tất cả mọi vọng tưởng đều được chuyển hoá để trở thành những phẩm tính rỗng rang, thông suốt, nhờ vào các phương pháp tu tập thiền chỉ (*shamatha/calm-abiding*), và sau đó, thì sẽ được chuyển sang những kinh nghiệm về một thực tại tối hậu, thoát khỏi mọi sự dụng công lao nhọc, dựa vào pháp môn thiền quán (*vipassana/special insight*). Kết quả đạt được sẽ là một sự giải thoát của tâm, siêu vượt tất cả những quy ước bình thường. Sơ Tổ Tilopa đã có nói trong những giáo huấn khẩu truyền về *Mahamudra* rằng, “*Một cái tâm hoàn toàn thoát khỏi mọi điểm tựa [tâm vô sở trụ], đây là Đại Thủ Ấn.*”

Qua đến năm thứ nhì của chương trình nhập thất của Sư Tổ Chetsang Rinpoche thì ngài Kyunga lìa đời. Đây là hậu quả muộn màng của những vết nội thương không được trị liệu mà ngài đã phải chịu đựng sau khi trải qua một tai nạn xe buýt một vài năm trước đó.

Trước khi thị tịch, ngài sách tấn các đệ tử không được bỏ ngang việc nhập thất dưới bất kỳ hoàn cảnh nào và qua đến ngày hôm sau thì ngài gặp gỡ nói chuyện riêng với Tổ Chetsang. Bằng một giọng nói hết sức yếu ớt, đạo sư Khyunga đã lên tiếng nói với Sư Tổ Chetsang Rinpoche rằng, “Nếu ngài là hoá thân của **đức Shiwe Lodro** [Tổ Chetsang

Rinpoche đời trước] thì ta không bao giờ muốn xa lìa ngài. Ta đã khấn nguyện về điều này. Ta đã chém ngang không gian bằng một thanh kiếm báu. Thanh kiếm ấy không thấy có bất kỳ chương ngại nào trong hư không, nó tự do tuyệt đối.”



Và đạo sư Khyunga đã kết thúc buổi gặp riêng Sư Tổ Chetsang Rinpoche bằng những lời sau đây: “Trong quá khứ, ngài đã chẳng thể nào vượt thoát khỏi Tây Tạng và ta đã lo lắng về ngài. Sau khi trốn thoát, ngài đã đi qua xứ Mỹ và ta đã lo lắng về ngài. Giờ đây, ngài đang ở Ấn Độ, đang hoàn thiện việc học tập và công phu tu hành của mình và ta không còn gì lo lắng về ngài nữa. Và như thế thì ta sẽ có thể lìa đời với một tâm thức yên bình. Vạn pháp đều vô thường. Ngài có **trọng trách đối với dòng truyền thừa Drikung Kagyu**. Đây là một trách vụ khó khăn: thật là điều tốt lành ngài đã nhận lãnh trọng trách ấy. Hãy quay trở về nhập thất đi.”

Sau đó, ngài **Drupon Sonam Jorphen Rinpoche** đã thay thế đạo sư Khyunga trong tư cách vị sư trưởng hướng dẫn nhập thất. Vào khoảng gần cuối chương trình nhập thất ba năm, Sư Tổ Chetsang Rinpoche đã có những giấc mơ cát tường. Trong một giấc mơ, ngài thấy mình đi hành hương cùng hai vị tăng sĩ để chiêm bái xá lợi Phật. Họ đến trước một khu nghỉ địa và một toà nhà lớn với một cái mái như mái chùa. Khi họ bước chân vào bên trong thì cảnh tượng thay đổi và bất chợt, họ thấy mình đang đứng trước một căn nhà với một văn phòng làm

việc. Họ không biết ngọc xá lợi đang được đặt tại đâu và họ hỏi thăm những người trong văn phòng làm sao có thể tìm được xá lợi Phật. Một người đàn ông lấy ra một quyển sổ liệt kê hàng hoá, lật lật tìm tìm trong quyển sổ dày cộm ấy mà chẳng tìm thấy ra được gì.

Cuối cùng, ông ta đứng lên đi tìm người khác để hỏi. Sư Tổ Chetsang Rinpoche bấy giờ nhận biết ra được rằng họ đang ở trong một nghĩa trang Hồi giáo. Có một người khác giơ tay ra chỉ vào một khoảng tối và nói rằng xá lợi nằm ở đấy. Chetsang Rinpoche thất vọng vô cùng bởi vì cái khoảng tối ấy chính là một cái chuồng bò. Ngài bảo hai vị tăng đi theo ngài hãy đến đào xới đồng phân bò. Họ tìm thấy có một con chó cái Tây Tạng khổng lồ đang nằm bên hông chuồng bò và Sư Tổ Chetsang có cái cảm nhận kỳ lạ rằng con chó ấy có thể là *Mahakala* hay là một vị hộ pháp nào đó. Ngài đã lên tiếng phàn nàn với những người Hồi giáo rằng thật không thể nào có thể cất giữ xá lợi Phật ở một nơi tồi tàn như thế, bởi vì ở trên toàn thế giới, có biết bao nhiêu người muốn chiêm bái ngọc xá lợi và ngọc xá lợi cần được cất giữ ở một nơi tôn kính, trang nghiêm.

Sau đó, ngài bước lên đứng trên một cái bục gỗ, quan sát hai vị tăng trong khi họ đào xới và người đàn ông, khi nãy đã bỏ đi để hỏi thăm về nơi đích xác lưu trữ ngọc xá lợi, ông ta quay trở lại và giận dữ la lên với ngài rằng, “Ông đã biết xá lợi nằm ở đâu, tại sao ông lại còn hỏi tôi.” Sư Tổ Chetsang Rinpoche nhìn người đàn ông ấy với sự ngờ vực và ông ta đã đáp lại rằng, “Xá lợi nằm ngay đằng sau lưng ông, ngay chỗ ông đang đứng đấy. Xoay người lại đi.” Đằng sau Sư Tổ là một tấm phen gỗ, trên đó có một khung cửa sổ kiểu Tây Tạng có giăng một tấm màn. Sư Tổ Chetsang Rinpoche có thể nhìn xuyên qua một khe hở nhỏ khít nhưng ngài chẳng thể nhận

ra cái gì [phía sau]. Ngài bèn vén toan cánh màn cửa sổ ra và ngay lập tức, một đám mây bụi phủ chụp lấy ngài một vật gì đó rớt trúng ngay trên đầu ngài. Ngài bắt lấy vật ấy và nhìn thấy ra đó chính là xá lợi Phật. Ngài nhìn thấy một mạn đà la màu đỏ, hình tròn, đẹp tuyệt vời và vào ngay giây khắc đó, toàn thân ngài tràn ngập một suối nguồn hỉ lạc vô biên, cơ hồ như thân ngài đang được rót tràn, đầy ắp ngọc xá lợi. Khi cảm nhận ra được rằng mình đang được ban cho năng lực gia trì quá ư vi diệu, những giọt nước mắt đã thi nhau rơi trên đôi má của ngài.

Sau đó ngài đã tỉnh dậy và vẫn còn cảm nhận được toàn thân như có kim châm; đấy chính là những phản ứng của thân vật lý đối trước năng lực gia trì. Khi ấy là vào buổi sớm mai và không khí trong lành cũng đang thấm đẫm những bài ca sinh động của đàn chim trời. Sư Tổ Chetsang Rinpoche cảm thấy hoàn toàn hạnh phúc và có ý nguyện muốn kể lại cho thầy Khenpo Togdrol nghe về giấc mơ ấy ngay lập tức.

Nhưng những cảm xúc tốt độ mà ngài đang trải qua đã tràn ngập lấn át ngài; ngài đã không thể cử động được mà cũng chẳng hề muốn cử động [không muốn đi tìm Khenpo Togdrol]. Ngài tiếp tục trôi vào giấc ngủ và liền ngay sau đó, một giấc mơ khác lại lập tức hiện ra. Ngài thấy mình băng qua những cánh đồng rộng lớn trên dốc cao, rồi đi dần xuống một thung lũng cùng với một đoàn người đông đảo. Trên đường đi, ngài đã gặp một ông lão đang ngồi trên một thân cây rỗng ruột héo khô. Khi ngài đến gần ông lão ấy thì ngài lại nhận thấy ra đó chính là vị sư già tám mươi tuổi tên Lama Konchog ở tại tu viện Lamayuru. Vị sư già chào hỏi ngài rồi trao cho ngài một đồng tiền vàng. “Cái này là của ngài,” vị sư ấy nói. Đồng tiền ấy không phải là đồng tiền tròn mà lại có nhiều góc cạnh. Tổ Chetsang Rinpoche từ chối không nhận, nhưng vị sư già nhất

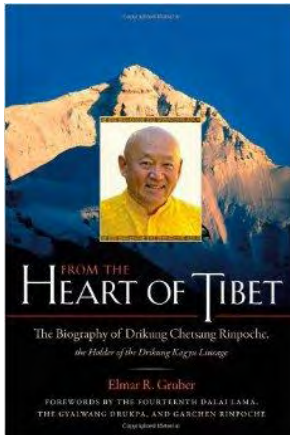
quyết ép ngài bởi vì ông ta còn có một đồng tiền khác. Vị sư già giở tấm áo *chuba* lên, để lộ ra một đồng tiền vàng thứ nhì. Sư Tổ Chetsang Rinpoche nhận lấy đồng tiền từ vị sư già và nói rằng, “Tôi sẽ giữ đồng tiền này và nếu [khi nào] ông cần nó thì hãy cứ hỏi lại tôi.” Khi ngài bỏ đồng tiền ấy vào túi áo thì ngài nhận thấy ngài đang mặc một chiếc áo sơ-mi và mặc quần thay vì khoác y áo của một nhà tu.

Rồi Sư Tổ Chetsang tiếp tục đi sâu xuống phía dưới và đi đến trước một toà nhà rất lớn. [Bị chắn đường] nên ngài phải đi quanh toà nhà [để qua đến bên kia]. Khi vừa vòng qua khỏi toà nhà ấy thì ngài lại thấy ngài đắp y tu sĩ trở lại. Ngài có xách một chiếc cặp và ngài nghĩ rằng ta phải nên cất chiếc cặp này đi bởi vì chiếc cặp này không thích hợp với một tu sĩ.

Trong khi ngài chậm rãi bước đi thì có một đứa bé trai hiện ra tiến về phía ngài. Có vẻ như là chú bé ấy nhận biết ra ngài cho dù ngài không biết chú ta là ai, hình như đây có thể là một đứa bé từ kinh thành Lhasa đến. Ngài không có ý muốn gặp đứa bé trai ấy và quẹo qua một góc đường rồi tìm thấy mình đang đứng giữa một hội chợ khổng lồ, náo nhiệt, đầy người qua lại nói cười rộn rã. Ngay đó cũng có một quán ăn và có một vài vị tu sĩ từ tu viện Phyang đang ngồi ở đó. Ngài cảm thấy không thoải mái ở nơi ấy nên rảo bước đi về hướng khác, đến trước một cửa hàng bán hoa quả thật tươi tốt ngon lành. Trong khi đang mua hoa quả thì ngài tỉnh dậy khỏi giấc mơ.

Cho dù khi ấy, Sư Tổ có thể hiểu về ý nghĩa tổng quát của giấc mơ nhưng không thể [giải] được tất cả những chi tiết trong ấy. Những lời giải thích của đạo sư Khenpo Togdrol không thực sự làm ngài hài lòng.

Về sau, ngài đem câu chuyện hai giấc mơ ấy kể lại cho **Garchen Rinpoche** nghe. Garchen Rinpoche là một vị đại sư chứng đạo của những hành giả Drikungpa và ngài đã cho Sư Tổ biết rằng thật ra đây là những điều rất dễ hiểu. Thrinle Lhundrup (pháp hiệu của Sư Tổ Chetsang Rinpoche hiện đời) đã chứng ngộ bản tâm; nhưng điều mà ngài còn thiếu sót [vào thời điểm ấy] là đã không đủ tin tưởng vào những chứng nghiệm nội tâm của chính mình. Và đồng tiền vàng, đó chính là dấu hiệu chứng đắc cao tột, là quả vị thành tựu – *siddhi*[§] – phi thường.



Câu chuyện về Sư Ông Kyunga và Sư Tổ Drikung Kyabgon Chetsang Rinpoche được trích từ Chương 15 (trang 210-213 và trang 215-217) và từ Chú thích (trang 299-300) trong tập sách tiểu sử của đức Drikung Kyabgon Chetsang Rinpoche mang tên **“Đến Từ Giữa Lòng Tây Tạng: Tiểu Sử Của Vị Thủ Ngôi Dòng Truyền Thừa Drikung Kagyu”** (From the Heart of Tibet: The Biography of Drikung Kyabgon Chetsang Rinpoche, the Holder of the Drikung Kagyu Lineage) (Boston, Massachusetts: Shambhala Publications, 2010) do Elmar R. Gruber biên soạn. Tâm Bảo Đàn (Konchog Changchup Drolma) chuyển Việt ngữ.

[§] Siddhi là các quả vị thành tựu gồm có các thành tựu thế gian thuộc về thần thông, và thành tựu phi thường hay siddhi tối thượng tức là đại giác ngộ.

Bài nguyện Đại Thủ Ấn của Đức Jigten Sumgon



Kính bạch Ân sư và chư Thầy Tổ quang vinh, thiêng liêng,
khả kính và tôn quý thuộc bốn tông,
Kính bạch thánh hội chư Bốn tôn Hộ Phật, thánh hội chư
Phật, chư Bồ tát, chư vị yogin, yogini, và dakini ở thập
phương thế giới,
Xin hãy lắng nghe lời khẩn nguyện của con!

Nhờ uy lực của thiện căn rộng lớn,
Xin cho con làm lợi lạc chúng sinh bằng thân, khẩu, ý.
Xin cho những phiền não do tham, sân, si, kiêu mạn và ganh
tị đừng khởi lên trong tâm con.
Xin cho những ý tưởng về danh vọng, địa vị, của cải, nhục vinh,
Và những ưu tư về đời sống này đừng khởi lên dù chỉ trong
giây lát.
Xin cho suốt tâm con chan chứa yêu thương, từ bi và tâm Bồ đề,
Và nhờ đó, xin cho con trở thành một đạo sư

Với đức độ ngang bằng không gian vô biên.
Xin cho con đạt được Đại thủ ấn ngay trong đời này.
Xin cho những khổ đau dần vật đứng khởi lên ngay cả trong
phút lâm chung.
Xin cho con không chết với những tư duy tiêu cực.
Xin cho con không chết với những tà kiến đảo điên.
Xin cho con không phải trải qua một cái chết phi thời.
Xin cho con được chết một cái chết hân hoan, hỷ lạc trong
linh quang bùng sáng của Chân tâm
Và trong Pháp tính rạng ngời cùng khắp.
Xin cho con, dù có thế nào, cũng thành tựu Đại thủ ấn vào
giây phút lâm chung hay trong Thân trung ấm.

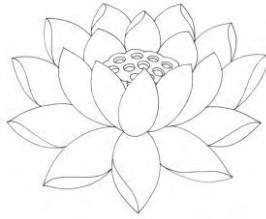
Chơn Pháp Nguyễn Hữu Hiệu chuyển Việt ngữ.

*“Chẳng gì có thể hiện hữu một cách tương đối
nếu rốt ráo chúng không được đặt trên nền tảng
của tánh không.”*

Đức Drikung Kyabgon Chetsang Rinpoche

Bồ đề tâm nguyện

CHANG-CHUB SEM-CHOG RIN-PO-CHE/
MA-KYE PA-NAM KYE-GYUR CHIG/
KYE-PA NYAM-PA ME-PAR YANG/
GONG-NE GONG-DU PHEL-WAR SHOG//



Bồ đề tâm vương, tâm tối thượng,
tâm vô cùng trân quý,
Nơi tâm ấy chưa sinh, xin cho tâm ấy nảy sinh.
Nơi tâm ấy đã sinh, xin cho tâm ấy đừng bao giờ
thoái chuyển,
Mà vĩnh viễn mỗi ngày một vươn lên,
vươn lên cao hơn.



Lời nguyện vãng sinh về cõi Tịnh độ Cực Lạc

E MA HO/

NGO TSAR SANG GYE NANG WA THA YE DANG/YE SU JO WO THUG JE
CHEN PO DANG/YÖN DU SEM PA THU CHEN THOB NAM LA

**E MA HO! Tuyệt vời thay! Ở chính giữa là Phật Vô lượng quang
A Di Đà. Bên phải là [Quán Thế Âm], Đại từ Đại bi Bồ tát,
bên trái là [Kim Cang Thủ], Đại hùng Đại lực Bồ tát.**

SANG GYE JANG SEM PAG ME KHOR GYI KOR/DE KYI NGO TSAR PAG
TU ME PA YI/DE WA CHEN ZHE JA WA'I ZHING KHAM DER

**Chung quanh các ngài là thánh chúng bất khả tư nghị
của chư Phật và chư Bồ tát. An lạc và hạnh phúc diệu kỳ
là Phật quốc có tên là Cực lạc.**

DAG ZHEN DI NE TSE PHÖ GYUR MA THAG/KYE WA ZHEN GYI BAR MA CHÖ
PA RU/DE RU KYE NE NANG THE'I ZHAL THONG SHOG

**Khi con và tất cả các chúng sinh khác lìa bỏ cõi đời này,
nguyện cho chúng con được tái sinh về đó mà không phải đọa sinh
trở lại luân hồi. Một khi tái sinh ở đó, nguyện cho chúng con
được diện kiến đức Phật A Di Đà Vô lượng quang.**

DE KE DAG GI MÖN LAM TAB PA DI/CHOG CHÜ SANG GYE JANG SEM
THAM CHE KYI/GEG ME DRUB PAR JIN GYI LAB TU SÖL

**[Nương theo oai lực] của mười phương chư Phật và chư Bồ tát, xin
hãy gia hộ cho con đạt được ước nguyện này không chướng ngại.**

TADYA THA / PAÑTSA GRI YA A WA BO DHA NĀ YA SVĀ HĀ



“Chẳng gì có thể hiện hữu một cách tương đối
nếu rất ráo chúng không được đặt
trên nền tảng của tánh không.”

Đức Drikung Kyabgon Chetsang Rinpoche

